

Bản án số: 35/2025/DS-ST

Ngày: 16-4-2025

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Anh
- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Tuấn Ngọc
Ông Trần Văn Sơn
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà Trịnh Ngọc Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 218/2024/TLST- DS ngày 12 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 218/2025/QĐST- DS ngày 03 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 218A/HPT ngày 19/3/2025 giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q (V1). Địa chỉ: Tầng A (tầng trệt) và Tầng B, Tòa nhà S - A P, Phường B, Quận A, Tp .. Đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Hàn Ngọc V - Chức vụ: Tổng giám đốc. Ông Hàn Ngọc V ủy quyền cho ông Ông Phạm Thanh H - Chức vụ: Giám đốc THN Trực Tiếp và XLN Vùng (theo Giấy ủy quyền số: 067296.24 ngày 04/04/2024). Ông Phạm Thanh H ủy quyền lại cho ông Lê Huy T; ông Hồ Xuân N và ông Nguyễn Trung H1 – cán bộ Ngân hàng (theo giấy ủy quyền số 112740.24 ngày 11/6/2024). Cùng địa chỉ: A Đ, phường C, quận T, TP ., có mặt

- Bị đơn: Bà Trần Lê Thủy T1, sinh năm: 1993. Địa chỉ: Tổ E, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày :

Ngân hàng TMCP Q đã ký với bà Trần Lê Thủy T1 các Hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng tín dụng số: 6124351.23 ngày 21/02/2023 ngân hàng cho bà Trần Lê Thủy T1 vay số tiền 3.600.000.000 đồng. Mục đích vay vốn chuyển nhượng bất động sản; Thời hạn vay 360 tháng từ 22/02/2023 đến 21/02/2053. Ngày 21/02/2023

ngân hàng đã giải ngân cho bà Trần Lê Thủy T1 số tiền 3.600.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng.

- Hợp đồng tín dụng số: 3302829.23 ngày 12/04/2023 cho bà Trần Lê Thủy T1 vay số tiền 600.000.000 đồng. Mục đích vay vốn bổ sung vốn lưu động, ngày 13/04/2023 đã giải ngân số tiền 600.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng.

Tài sản bảo đảm cho 02 khoản vay là nhà và đất tại thửa đất số: 19, tờ bản đồ số: B10, địa chỉ: Khu dân cư S, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 750958, sổ vào sổ cấp GCN: CH 04073 do UBND Quận N cấp ngày 11/05/2012, đăng ký biến động sang tên bà Trần Lê Thủy T1 ngày 01/03/2023

Quá trình thực hiện hợp đồng bà Trần Lê Thủy T1 đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại HĐTD đã ký. Vì vậy, ngân hàng đã chuyển khoản vay thành khoản nợ quá hạn từ ngày 22/08/2023. Nay Ngân hàng TMCP Q yêu cầu bà Trần Lê Thủy T1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền tạm tính đến ngày 16/4/2025 là: 5.481.460.338 đồng trong đó:

- Hợp đồng tín dụng số 6124351.23 ngày 21/02/2023: Nợ gốc 3.540.000.000 đồng, Nợ lãi trong hạn tính từ ngày 22/8/2023 đến ngày 22/3/2024 là 334.519.790 đồng, N1 lãi quá hạn tính từ 22/4/2024 đến ngày 16/4/2025 là 835.621.644 đồng

- Hợp đồng tín dụng số 3302829.23 ngày 12/04/2023: Nợ gốc 600.000.000 đồng, Nợ lãi trong hạn tính từ 22/7/2023 đến ngày 22/3/2024 là 49.776.986 đồng, N1 lãi quá hạn tính từ ngày 22/4/2024 đến ngày 16/4/2025 là 121.541.918 đồng

Kể từ ngày 17/4/2025 bà Trần Lê Thủy T1 phải tiếp tục thanh toán tiền lãi theo thỏa thuận hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

Nếu bà Trần Lê Thủy T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Q được quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 19, tờ bản đồ số: B10, địa chỉ: Khu dân cư S, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 750958, sổ vào sổ cấp GCN: CH 04073 do UBND Quận N cấp ngày 11/05/2012, đăng ký biến động sang tên bà Trần Lê Thủy T1 để thu hồi nợ.

* Bị đơn vắng mặt tuy nhiên quá trình giải quyết có ý kiến trình bày: Xác nhận bà có thực hiện ký kết với Ngân hàng TMCP Q 02 hợp đồng vay: Hợp đồng tín dụng số: 6124351.23 ngày 21/02/2023 vay số tiền 3.600.000.000 đồng và Hợp đồng tín dụng số: 3302829.23 ngày 12/04/2023 vay số tiền 600.000.000 đồng, lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng. Sau khi vay bà đã được giải ngân đủ số tiền của 02 hợp đồng nêu trên. Tài sản thế chấp cho hợp đồng vay gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 19, tờ bản đồ số: B10, địa chỉ: Khu dân cư S, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 750958, sổ vào sổ cấp GCN: CH 04073 do UBND Quận N cấp ngày 11/05/2012, đăng ký biến động sang tên bà Trần Lê Thủy T1 ngày 01/03/2023.

Thực hiện hợp đồng bà cũng trả một phần lãi và gốc, do làm ăn thua lỗ nên không trả đúng hạn. Nay ngân hàng yêu cầu phải thanh toán số tiền nợ gốc và L phát sinh, bà đồng ý tuy nhiên cho thời gian thu xếp trả nợ.

* Tại phiên tòa hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án gồm:

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đảm bảo theo đúng quy trình tố tụng dân sự.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án:

Từ khi thụ lý cho đến thời điểm này, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đúng.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 463, Điều 466; Điều 299 và 303, 317, 318, 319, 322, 323 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 2 Điều 3 và khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng của Ngân hàng TMCP Q đối với bà Trần Lê Thủy T1.

Buộc Bà Trần Lê Thủy T1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền 5.481.460.338 đồng trong đó:

- Hợp đồng tín dụng số 6124351.23 ngày 21/02/2023: Nợ gốc 3.540.000.000 đồng, Nợ lãi trong hạn tính từ ngày 22/8/2023 đến ngày 22/3/2024 là 334.519.790 đồng, N1 lãi quá hạn tính từ 22/4/2024 đến ngày 16/4/2025 là 835.621.644 đồng

- Hợp đồng tín dụng số 3302829.23 ngày 12/04/2023: Nợ gốc 600.000.000 đồng, Nợ lãi trong hạn tính từ 22/7/2023 đến ngày 22/3/2024 là 49.776.986 đồng, N1 lãi quá hạn tính từ ngày 22/4/2024 đến ngày 16/4/2025 là 121.541.918 đồng

Kể từ ngày 17/4/2025 bà Trần Lê Thủy T1 phải tiếp tục thanh toán tiền lãi, theo thỏa thuận hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp bà Trần Lê Thủy T1 thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ thì ngân hàng phải hoàn trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 750958, sổ vào sổ cấp GCN: CH 04073 do UBND Quận N cấp ngày 11/05/2012, đăng ký biến động sang tên bà Trần Lê Thủy T1 ngày 01/03/2023 cho bà Thủy T1.

Trường hợp bà Thủy T1 không thực hiện thì Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là tại thửa đất số: 19, tờ bản đồ số: B10, địa chỉ: Khu dân cư S,

phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 750958, sổ vào sổ cấp GCN: CH 04073 do UBND Quận N cấp ngày 11/05/2012, đăng ký biến động sang tên bà Trần Lê Thủy T1 ngày 01/03/2023 và tài sản gắn liền với đất là nhà 03 tầng; kết cấu: tường xây, nền gạch men, mái đúc. Tứ cận: Hướng N đường S; hướng Bắc giáp mương thoát nước; hướng Tây giáp đường B; hướng Đông giáp nhà số B đường S, được xử lý theo Điều 299 và Điều 303 Bộ luật dân sự để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Q và bà Trần Lê Thủy T1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Bà Trần Lê Thủy T1 (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Về nội dung vụ án: Ngân hàng TMCP Q đã ký với bà Trần Lê Thủy T1 02 Hợp đồng tín dụng gồm: Hợp đồng tín dụng số: 6124351.23 ngày 21/02/2023 vay số tiền 3.600.000.000 đồng và Hợp đồng tín dụng số: 3302829.23 ngày 12/04/2023 vay số tiền 600.000.000 đồng. Thời hạn vay, lãi suất vay các bên thỏa thuận thể hiện tại hợp đồng.

Tài sản bảo đảm cho 02 khoản vay là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 19, tờ bản đồ số: B10, địa chỉ: Khu dân cư S, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 750958, sổ vào sổ cấp GCN: CH 04073 do UBND Quận N cấp ngày 11/05/2012, đăng ký biến động sang tên bà Trần Lê Thủy T1 ngày 01/03/2023. Nay Ngân hàng TMCP Q yêu cầu bà Trần Lê Thủy T1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền 5.481.460.338 đồng trong đó:

- Hợp đồng tín dụng số 6124351.23 ngày 21/02/2023: Nợ gốc 3.540.000.000 đồng, Nợ lãi trong hạn tính từ ngày 22/8/2023 đến ngày 22/3/2024 là 334.519.790 đồng, N1 lãi quá hạn tính từ 22/4/2024 đến ngày 16/4/2025 là 835.621.644 đồng

- Hợp đồng tín dụng số 3302829.23 ngày 12/04/2023: Nợ gốc 600.000.000 đồng, Nợ lãi trong hạn tính từ 22/7/2023 đến ngày 22/3/2024 là 49.776.986 đồng, N1 lãi quá hạn tính từ ngày 22/4/2024 đến ngày 16/4/2025 là 121.541.918 đồng

Kể từ ngày 17/4/2025 bà Trần Lê Thủy T1 phải tiếp tục thanh toán tiền lãi, theo thỏa thuận hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp bà Thủy T1 không thực hiện thì Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là tại thửa đất số: 19, tờ bản đồ số: B10, địa chỉ: Khu dân cư S, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 750958, số vào sổ cấp GCN: CH 04073 do UBND Quận N cấp ngày 11/05/2012, đăng ký biến động sang tên bà Trần Lê Thủy T1 ngày 01/03/2023 và tài sản gắn liền với đất là nhà 03 tầng; kết cấu: tường xây, nền gạch men, mái đúc. Tứ cận: Hướng N đường S; hướng Bắc giáp nương thoát nước; hướng Tây giáp đường B; hướng Đông giáp nhà số B đường S, được xử lý theo Điều 299 và Điều 303 Bộ luật dân sự để thu hồi nợ.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Các hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng và bà Thủy T1 trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

Trong quá trình thực hiện bà Thủy T1 đã không thực hiện việc trả nợ đúng hạn là vi phạm định kỳ trả nợ, là bên có lỗi trong việc thực hiện các hợp đồng tín dụng mà các bên đã thỏa thuận ký kết nêu trên. Nay Ngân hàng yêu cầu toà án buộc bà Thủy T1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q tổng số nợ của 02 hợp đồng nêu trên với số tiền 5.481.460.338 đồng trong đó: gốc 4.140.000.000 đồng, lãi tính đến 16/4/2025 là 1.341.460.338 đồng (lãi trong hạn 384.296.776 đồng, lãi quá hạn 957.163.562 đồng). Yêu cầu này phù hợp Điều 463, Điều 466 Bộ Luật dân sự được chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu phát mãi tài sản thu hồi nợ là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 19, tờ bản đồ số: B10, địa chỉ: Khu dân cư S, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 750958, số vào sổ cấp GCN: CH 04073 do UBND Quận N cấp ngày 11/05/2012, đăng ký biến động sang tên bà Trần Lê Thủy T1 ngày 01/03/2023 và ngôi nhà kết cấu: nhà 03 tầng; tường xây, nền gạch men, mái đúc. Tứ cận: Hướng N đường S; hướng Bắc giáp nương thoát nước; hướng Tây giáp đường B; hướng Đông giáp nhà số B đường S. Hội đồng xét xử xét thấy, Hợp đồng thế chấp các bên ký kết đảm bảo đúng qui định pháp luật về hình thức và nội dung nên được chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: 113.481.460 đồng bị đơn phải chịu.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng bị đơn phải chịu, Ngân hàng TMCP Q đã ứng chi Tòa án thực hiện xong, buộc bị đơn phải hoàn lại số tiền này cho ngân hàng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí 56.356.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, theo biên lai thu 0003556 ngày 10/12/2024.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 273; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 463, Điều 466; Điều 299 và 303 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 2 Điều 3 và khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa Ngân hàng Q đối với bà Trần Lê Thủy T1.

1. Xử:

1.1. T2 buộc bà Trần Lê Thủy T1 phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền 5.481.460.338 đồng gồm:

- Hợp đồng tín dụng số 6124351.23 ngày 21/02/2023: Nợ gốc 3.540.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 16/4/2025 là 1.170.141.434 đồng. Tổng cộng: 4.710.141.434 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 3302829.23 ngày 12/04/2023: Nợ gốc 600.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 16/4/2025 là 171.318.904 đồng. Tổng cộng 771.318.904 đồng. Kể từ ngày 17/4/2025 bà Trần Lê Thủy T1 phải tiếp tục thanh toán tiền lãi, theo thỏa thuận hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp bà Trần Lê Thủy T1 thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ thì ngân hàng phải hoàn trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 750958, số vào sổ cấp GCN: CH 04073 do UBND Quận N cấp ngày 11/05/2012, đăng ký biến động sang tên bà Trần Lê Thủy T1 ngày 01/03/2023 cho bà Thủy T1.

Nếu bà Trần Lê Thủy T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay nêu trên là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 19, tờ bản đồ số: B10, địa chỉ: Khu dân cư S, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 750958, số vào sổ cấp GCN: CH 04073 do UBND Quận N cấp ngày 11/05/2012, đăng ký biến động sang tên bà Trần Lê Thủy T1 ngày 01/03/2023 và ngôi nhà kết cấu: nhà 03 tầng; tường xây, nền gạch men, mái đúc. Tờ cận: Hướng N đường S; hướng Bắc giáp nương thoát nước; hướng Tây giáp đường B; hướng Đông giáp nhà số B đường S, được xử lý theo Điều 299 và Điều 303 Bộ luật dân sự để thu hồi nợ.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: 113.481.460 đồng bị đơn phải chịu.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng bị đơn phải chịu, Ngân hàng TMCP Q đã ứng chi Tòa án thực hiện xong, buộc bị đơn phải hoàn lại số tiền này cho ngân hàng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí 56.356.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, theo biên lai thu 0003556 ngày 10/12/2024.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

- *Nơi nhận:*

- Dương sự;
- Viện KSND quận Ngũ Hành Sơn; ĐN
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn; ĐN
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lương Thị Anh